TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 9 – HÀ NỘI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 24/2026/QĐST-HNGĐ	*Hà Nội, ngày 20 tháng 01 năm 2026*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 18/2026/TLST-HNGĐ ngày 08 tháng 01 năm 2026, giữa:

Nguyên đơn: Chị Trần Thị Thu T, sinh năm: 1988.

Số căn cước công dân 025188000835; cấp ngày 23/5/2023.

Bị đơn: Anh Nguyễn Thành L, sinh năm 1985.

Số căn cước công dân 001085011606; cấp ngày 22/9/2025.

Cùng địa chỉ: Thôn ĐK, xã ĐP, thành phố Hà Nội.

Căn cứ vào các Điều 212, 213 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ vào các Điều 55, 81, 82, 83 và 110 của Luật hôn nhân và gia đình.

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 12 tháng 01 năm 2026.

XÉT THẤY

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 12 tháng 01 năm 2026 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Chị Trần Thị Thu T và anh Nguyễn Thành L.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- *Về quan hệ hôn nhân*: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Trần Thị Thu T và anh Nguyễn Thành L.

- *Về con chung*: Có một con chung là Nguyễn Minh Nh, sinh ngày 18/02/2012. Giao cháu Nguyễn Minh Nh cho chị Trần Thị Thu T nuôi dưỡng đến khi cháu Nh tròn 18 tuổi hoặc đến khi có quyết định khác thay đổi.

Sau khi ly hôn, anh L được quyền qua lại thăm nom, chăm sóc con chung không ai được ngăn cản.

+ Về cấp dưỡng nuôi con: Anh Nguyễn Thành L có nghĩa vụ cấp dưỡng để chị Trần Thị Thu T nuôi cháu Nguyễn Minh Nh mỗi tháng là 5.000.000 đồng (Năm triệu đồng). Thời gian cấp dưỡng bắt đầu từ ngày 15/01/2026 đến khi cháu Nh đủ 18 tuổi hoặc đến khi có quyết định khác thay đổi.

- *Về tài sản chung, công sức, nợ chung:* Không yêu cầu Toà án giải quyết.

- *Về án phí:* Ghi nhận sự tự nguyện của chị Trần Thị Thu T về việc chịu toàn bộ 150.000 *đồng (Một trăm năm mươi nghìn đồng)* án phí ly hôn sơ thẩm và án phí cấp dưỡng nuôi con. Tiền án phí được đối trừ vào số tiền 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) tạm ứng án phí mà chị T đã nộp tại Phòng thi hành án dân sự khu vực 9, Hà Nội theo biên lai số 0000456 ngày 08/01/2026.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thi hành theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- *Các đương sự;*
- *TAND thành phố Hà Nội;*
- *VKSND khu vực 9, Hà Nội.*
- *Phòng THADS khu vực 9, Hà Nội;*
- *UBND xã Đoài Phương, TP. Hà Nội.*
- *Lưu hồ sơ vụ án.*

THẨM PHÁN

Đỗ Duy Liệu